

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2025/HS-ST
Ngày 13 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Lê Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Hoàng Đ, sinh năm 2004 tại tỉnh Quảng Trị; số Căn cước công dân: 075204017491; hộ khẩu thường trú: tổ C, ấp S, xã T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đức T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1985; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 19 tháng 6 năm 2025, sau đó bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Cơ sở D - Trại Tạm giam B (có mặt).

Bị hại: Công ty TNHH D, địa chỉ: số A, đường N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: ông Đặng Văn P, sinh năm 1976, địa chỉ: C, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Ngô Văn B, sinh năm 1967; số Căn cước công dân: 094067001624, hộ khẩu thường trú: ấp D, xã H, thành phố Cần Thơ; địa chỉ: nhà T, tổ A, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

2. Bà Ngô Thị Trúc M, sinh năm 2005; số Căn cước công dân: 084305008003; hộ khẩu thường trú: ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt;

3. Ông Chu Đăng T1, sinh năm 1990; số Căn cước công dân: 066090000635, hộ khẩu thường trú: tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

4. Ông Y Phổ Ê, sinh năm 2002, số Căn cước công dân: 066202006531, thường trú: Buôn Kiêu, xã Y, tỉnh Đắk Lắk, tạm trú: nhà trọ X, khu phố S, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

5. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1988, số Căn cước công dân: 082088003519, thường trú: tổ B, ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt;

6. Ông Cao Văn T2, sinh năm 1992, số Căn cước công dân 038092045468, thường trú: thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: nhà trọ Lâm Thị Ngọc T3, số 93/DC1 tổ B, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

7. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1969, số Căn cước công dân 082069010881, thường trú: tổ A, ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Đ là công nhân của Công ty TNHH S1 (viết tắt là Công ty S2), địa chỉ lô A, 1H5, 1H6, đường C, khu công nghiệp T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH D (viết tắt là Công ty D) là đơn vị cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty S2, đảm bảo an toàn cho tài sản, an ninh cho Công ty S2 theo Hợp đồng số 207/24/HDDKT/TV ngày 01/11/2024.

Do cần tiền tiêu xài, Hoàng Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô được gửi tại bãi giữ xe của Công ty S2. Vào khoảng 08 giờ ngày 17/6/2025, Đ gọi điện thoại cho Y Phổ Êban (là bạn cùng làm chung trước đây tại Công ty S2) nhờ Êban hỗ trợ Đ chạy xe mô tô về phòng trọ. Vì trước đó, Đ bị bệnh nên không điều khiển xe mô tô mà gửi lại tại Công ty S2.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút, cùng ngày Đ điều khiển xe mô tô Suzuki Axelo biển số 36L1-167.94, rước Êban từ khu công nghiệp V IIA đến Công ty S2 để chờ lấy xe. Đ chạy xe vào bãi giữ xe của Công ty S2 phát hiện xe mô tô Yamaha Exciter biển số 63B1-266.19 nên Đ quay ra và đưa xe mô tô biển số 36L1-167.94 cho Êban giữ và đi bộ vào bãi xe của Công ty S2. Lợi dụng sơ hở của ông Ngô Văn B, là bảo vệ thuộc Công ty D được bố trí gác cổng Công ty S2, Đ đẩy xe mô tô biển số 63B1-266.19 ra khỏi cổng Công ty. Sau đó, Đ dùng tay rút dây điện kết nối nguồn điện và ổ khóa, đạp nổ máy xe rồi điều khiển xe lại nơi Êban đang đợi.

Khi gặp Êban, Đ điều khiển xe mô tô biển số 36L1-167.94 đến tiệm sửa xe đối diện công khu công nghiệp T để sửa, rồi quay lại, điều khiển mô tô biển số 63B1-266.19 chở Êban về nhà. Sau đó, Đ điều khiển xe biển số 63B1-266.19

đến gặp ông Chu Đăng T1, là chủ tiệm S3 tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) yêu cầu sơn lại xe mô tô.

Khoảng 22 giờ ngày 17/6/2025, bà Ngô Thị Trúc M tan ca thì phát hiện xe mô tô bị mất. Ngày 18/6/2025, bà M cùng đại diện Công ty D đến Công an thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) trình báo sự việc. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/6/2025, Hoàng Đ đến Công an thị trấn T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô biển Yamaha Exciter 135, biển số 63B1-266.19, màu sơn: xanh trắng, số khung: RLCE 55P10DY273698, số máy: 55P1-273704 do ông Nguyễn Trung H đứng tên chủ sở hữu trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Ông H thừa nhận đã bán xe mô tô vào tháng 08/2023 cho ông Trần Thanh S. Ông Trần Thanh S thừa nhận đã bán lại cho bà Ngô Thị Trúc M với số tiền 11.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô Suzuki Axelo biển số 36L1-167.94, màu sơn: xanh trắng, số khung: RLS8F4S10G014023, số máy: F4C8140224 do ông Cao Văn T2 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Ông T2 thừa nhận đã bán xe mô tô cho một cửa hàng (không nhớ tên, địa chỉ). Hoàng Đ khai nhận mua xe mô tô biển số 36L1-167.94 của một người không rõ lai lịch. Xe không có trong danh sách kho dữ liệu vật chứng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Tecno Spark Go, màu trắng, số Imei1: 358118774294746, số I: 3581187744294753.

Bản kết luận định giá số 18/KL-HĐĐGTS ngày 24/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô loại Exciter biển số 63B1-266.19 có giá trị là 8.166.000 đồng.

Cáo trạng số 85/CT-VKS-KV17 ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Hoàng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hoàng Đ từ 08 tháng đến 10 tháng tù, trả lại cho bị cáo 01 (một) xe mô tô biển số 36L1-167.94, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Tecno Spark Go.

Đại diện hợp pháp của bị hại ông Đặng Văn P, người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan đến vụ án ông Chu Đăng T1.

Bị cáo Hoàng Đ không có ý kiến với phân luận tội của Viện Kiểm sát và nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với xã hội, được lao động và chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra - Công an, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tố tụng: Công ty D là pháp nhân có trách nhiệm thực hiện việc bảo vệ, quản lý tài sản tại Công ty S2 theo Hợp đồng số 207/24/HĐKT/TV ngày 01/11/2024, phải chịu toàn bộ trách nhiệm đền bù thiệt hại nếu để xảy ra mất mát hư hỏng tài sản tại Công ty S2 theo quy định tại Điều 597 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử xác định Công ty D là bị hại do hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Hoàng Đ thực hiện. Ông Ngô Văn B, là nhân viên của Công ty D, thực hiện hiện công việc do Công ty D giao, trường hợp có lỗi trong việc gây thiệt hại thì phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật nếu Công ty D đã bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử xác định ông Ngô Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

[4] Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại Công ty S2 thuộc khu công nghiệp T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, lợi dụng việc sơ hở của ông Ngô Văn B, nhân viên bảo vệ thuộc Công ty D, pháp nhân có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản, an ninh tại Công ty S2, bị cáo Hoàng Đ lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 63B1-266.19, có giá trị là 8.166.000 đồng, là tài sản mà Công ty TNHH D có trách nhiệm quản lý, bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng muốn có tiền tiêu xài nên thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Căn cứ vào hành vi, giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.166.000 đồng, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Hoàng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Đ đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét, tình hình xâm phạm tài sản tại các doanh nghiệp trong thời gian gần đây diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo thực hiện việc trộm cắp tài sản tại chính nơi mình làm việc, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, quyết định mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo một thời gian phù hợp, nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung, đáp ứng công tác phòng chống tội phạm liên quan đến xâm phạm về tài sản tại địa phương.

[8] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo là công nhân, muốn có tiền tiêu xài nên trộm cắp tài sản của người khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bà Ngô Thị Trúc M đã nhận lại tài sản, Công ty TNHH D, bà Ngô Thị Trúc M không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki, số loại: Axelo, màu xanh trắng, biển số 36L1-167.94, số khung: RLS8F4S10G014023, số máy: F4C8140224, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Tecno Spark Go, màu trắng, số Imei 1: 358118774294746, số Imei 2: 3581187744294753. Xét, xe mô tô và điện thoại nêu trên không phải là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Hoàng Đ không trực tiếp sử dụng phương tiện nêu trên vào việc trộm cắp, việc sử dụng xe mô tô, điện thoại hay không sử dụng xe mô tô, điện thoại không làm ảnh hưởng đến việc chiếm đoạt được tài sản nên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh trả lại xe mô tô, điện thoại cho bị cáo Hoàng Đ là phù hợp.

[11] Đối với ông Y Phổ Ê có hành vi giúp bị cáo Hoàng Đ trông coi xe mô tô 36L1-167.94, ông Chu Đăng T1 có hành vi cất giữ xe mô tô 63B1-266.19 để sơn lại theo yêu cầu của bị cáo Đ, do không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[12] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh về điều luật, mức hình phạt là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo bị kết án nên chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Đ 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Hoàng Đ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki, số loại: Axelo, màu xanh trắng, biển số 36L1-167.94, số khung: RLS8F4S10G014023, số máy: F4C8140224, (xe không hoạt động)

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Tecno Spark Go, màu trắng, số Imei 1: 358118774294746, số Imei 2: 3581187744294753 (bị để màn hình),

(Vật chứng được ghi nhận trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

Buộc bị cáo Hoàng Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- PV06, Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chữ Cần